

**THÔNG BÁO**

**Tình hình mặn khu vực tỉnh Tiền Giang**

*(Từ 12 giờ ngày 25/02/2025 đến 12 giờ ngày 26/02/2025)*

| Stt        | Vị trí điểm đo                                          | Độ mặn cao nhất (gam/lít) | So với ngày trước (gam/lít) | So với cùng kỳ năm 2024 | So với cùng kỳ năm 2016 |
|------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Trên Sông Tiền</b>                                   |                           |                             |                         |                         |
| 1          | Cổng Vàm Giồng (xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây)         | 6,92                      | giảm 0,64 g/l               | cao hơn 1,02 g/l        | thấp hơn 2,58 g/l       |
| 2          | Bến Đò Hòa Định (xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo)            | 4,90                      | giảm 0,40 g/l               | cao hơn 0,50 g/l        | thấp hơn 1,70 g/l       |
| 3          | Cổng Xuân Hoà (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)             | 1,50                      | giảm 0,78 g/l               | thấp hơn 1,11 g/l       | thấp hơn 1,79 g/l       |
| 4          | Vàm Tân Mỹ Chánh (phường 9, thành phố Mỹ Tho)           | 0,50                      | giảm 0,99 g/l               | thấp hơn 1,90 g/l       | thấp hơn 1,57 g/l       |
| 5          | Công Viên Thủ Khoa Huân (phường 1, thành phố Mỹ Tho)    | 0,32                      | giảm 0,48 g/l               | thấp hơn 1,31 g/l       | thấp hơn 1,25 g/l       |
| 6          | Cầu Trường Chinh Trị (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho)    | 0,05                      | giảm 0,03 g/l               | thấp hơn 0,88 g/l       | thấp hơn 0,76 g/l       |
| <b>II</b>  | <b>Trên Sông Soài Rạp và Kênh Chợ Gạo</b>               |                           |                             |                         |                         |
| 1          | Cổng số 3 (xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây)              | 5,13                      | tăng 1,71 g/l               | thấp hơn 4,84 g/l       | thấp hơn 7,57 g/l       |
| 2          | Cổng số 1 (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo)            | 2,00                      | tăng 0,20 g/l               | thấp hơn 2,90 g/l       | thấp hơn 4,20 g/l       |
| 3          | Cầu Chợ Gạo (thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo)           | 2,00                      | trung đương                 | thấp hơn 2,40 g/l       | thấp hơn 0,10 g/l       |
| 4          | Bến Đò Xuân Đông (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)          | 1,00                      | giảm 1,55 g/l               | thấp hơn 0,50 g/l       | thấp hơn 0,40 g/l       |
| <b>III</b> | <b>Trên Sông Hàm Luông</b>                              |                           |                             |                         |                         |
| 1          | Mỹ Hóa (phường 7, thành phố Bến Tre)                    | 7,40                      | tăng 0,80 g/l               | cao hơn 3,70 g/l        | thấp hơn 0,10 g/l       |
| 2          | An Hiệp (xã An Hiệp, huyện Châu Thành, Bến Tre)         | 5,40                      | tăng 0,20 g/l               | cao hơn 3,20 g/l        | thấp hơn 0,20 g/l       |
| 3          | Vàm Mon (xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, Bến Tre)           | 3,20                      | tăng 0,30 g/l               | cao hơn 2,50 g/l        | cao hơn 0,40 g/l        |
| 4          | Bến phà Tân Phú (xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, Bến Tre) | 0,50                      | giảm 0,20 g/l               | cao hơn 0,50 g/l        | cao hơn 0,10 g/l        |
| <b>IV</b>  | <b>Trên Sông Vàm Cỏ Tây</b>                             |                           |                             |                         |                         |
| 1          | Cầu Tân An (thành phố Tân An)                           | 1,10                      | tăng 0,10 g/l               | cao hơn 0,40 g/l        | thấp hơn 2,40 g/l       |

**- Dự án ngọt hóa Gò Công:**

- + Cổng Xuân Hòa vận hành lấy gạn. Các cổng còn lại đóng ngăn mặn.
- + Mực nước trên kênh trục chính: từ +0,45 mét đến +0,48 mét.

**- Dự án Phú Thạnh-Phú Đông:**

+Tất cả các cống đóng ngăn mặn.

+ Mức nước trên kênh trục chính: từ +0,02 mét đến +0,03 mét.

**- Dự án Bảo Định:**

+ Cống Bảo Định vận hành lấy nước. Cống Gò Cát đóng. Cống Xoài Hột vận hành tự do.

+ Mức nước trên kênh trục chính: từ +0,54 mét đến +0,65 mét.

**- Các cống trên đường tỉnh 864 (giai đoạn 1):** Tất cả các cống vận hành tự do./.

**Nơi nhận:**

- Sở NN&PTNT Tiền Giang;
- Cty TNHH MTV Khai thác CTTL TG;
- UBND các huyện, thị, thành;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế TPMT, TP Gò Công và TX Cai Lậy;
- Chi cục Thủy lợi;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang;
- Lưu VT.



**TL. TRƯỞNG BAN  
CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Phạm Thanh Nhã**